

Nhìn lại hoạt động TIỀN TỆ, TÍN DỤNG NĂM 2005



● HUY MINH

Năm 2005 đã trôi qua với nhiều ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn, có tác dụng kích thích niềm tự hào, tự tôn dân tộc và động viên tinh thần thi đua yêu nước của toàn dân. Song cũng trong năm 2005, xã hội đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do thiên tai và những diễn biến phức tạp của thị trường trong nước và quốc tế gây ra.

Vị trí năm 2005 trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005

Năm 2005 là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch 5 năm đầu của thế kỷ 21. Đồng thời năm 2005 cũng là mốc son đánh dấu 995 năm Thăng Long - Hà Nội, 60 năm nước CHXHCN Việt Nam, 30 năm thống nhất đất nước và 20 năm thực thi sự nghiệp đổi mới nền kinh tế.

Với ý nghĩa lịch sử ấy, sự phấn đấu của các ngành, các cấp, các địa phương nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2005 là vô cùng quan trọng.

Theo báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XI, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều đạt và vượt mức kế hoạch. Trừ chỉ tiêu GDP thực hiện dưới mức một chút (8,4%/8,5%) và chỉ tiêu lạm phát (CPI) thì vượt mức kế hoạch (8%/6,5%).

Hoạt động tiền tệ, tín dụng trong năm 2005

Chỉ số CPI đã tăng liên tục.

Tháng 1: 1,1%; tháng 2: 2,5%; tháng 3: 0,1%; tháng 4: 0,6%; tháng 5: 0,5%; tháng 6: 0,4%; tháng 7: 0,4%; tháng 8: 0,4%; tháng 9: 0,8%; tháng 10: 0,4%; tháng 11: 0,4%; tháng 12: 0,8%. Cộng cả năm là 8,4%.

Những nhóm hàng hoá, dịch vụ có mức giá tăng cao là lương thực, thực phẩm: 9,3%; trong đó lương thực tăng 6,5%, thực phẩm tăng 10,1%. Tiếp đến, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 9,2%. Đặc biệt do ảnh hưởng của giá xăng dầu nên nhóm phương tiện đi lại và bưu điện tăng 10,3%. CPI tăng cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội, trước hết là những người làm công ăn lương và những người hưởng BHXH. Tiền lương và tiền hưu trí tuy được tăng từ tháng 10/2005 nhưng đã bị giá cả phân phối lại một phần khá lớn.

Để thực hiện yêu cầu kiềm chế lạm phát không quá 6,5% theo Nghị quyết của Quốc hội, ngay từ những tháng đầu năm, Chính phủ đã đề ra nhiều giải pháp quyết liệt kiềm chế mức tăng giá tiêu dùng như: đẩy mạnh XK, hạn chế NK; giữ bội chi ngân sách ở mức dự kiến trong kế hoạch; thận trọng trong việc cung ứng tiền ra lưu thông; sử dụng linh hoạt và có hiệu quả các công cụ của chính sách tiền tệ để kiểm soát lãi suất và tỷ giá; tăng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng và giảm bớt nợ xấu trong hệ thống ngân hàng...

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và theo dõi sát sao sự biến động trên thị trường tiền tệ quốc tế, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã triển khai có kết quả một số công việc trọng tâm dưới đây:

Điều hành chính sách lãi suất

Từ tháng 2 đến 12/2005, FED đã 8 lần tăng lãi suất cơ bản (mỗi lần 0,25%), đưa lãi suất từ 2,5%/năm lên 4,25%/năm. Theo đó, lãi suất Libor và Sibor cũng tăng. Ngày 1/12/2005, NHTW châu Âu (ECB) đã quyết định tăng lãi suất tái cấp vốn của mình trong phạm vi các nước sử dụng đồng Euro thêm 0,25%, thành 2,25%/năm. Đây là lần tăng lãi suất đầu tiên của ECB kể từ tháng 6/2003.

Để điều hành lãi suất Việt Nam phù hợp với lãi suất quốc tế, tháng 2/2005, NHNN đã tăng lãi suất cơ bản từ 7,5% lên 7,8%/năm. Trong 6 tháng đầu năm, NHNN đã 2 lần tăng lãi suất tái cấp vốn từ 5%/năm lên 5,5% rồi 6%/năm; 2 lần tăng lãi suất chiết khấu từ 3%/năm lên 3,5%/năm rồi 4%/năm. Đến đầu tháng 12/2005, NHNN lại quyết định tăng lãi suất cơ bản từ 7,8%/năm lên 8,25%/năm, đồng thời tăng lãi suất tái cấp vốn từ 6%/năm lên 6,5%/năm và lãi suất chiết khấu từ 4%/năm lên 4,5%/năm.

Hai lần NHNN tăng lãi suất được giải thích là nhằm phản ánh chính xác hơn các động thái của thị trường, đồng thời khuyến khích các ngân hàng thương mại (NHTM) tăng cường công tác huy động vốn từ dân cư để cho vay nền kinh tế, tiết giảm việc cung ứng thêm tiền ra lưu thông - yếu tố làm gia tăng lạm phát.

Đây là mặt tích cực của

☞ chủ trương. Nhưng mặt trái của vấn đề là đã mở đường cho các NHTM và tổ chức tín dụng chạy đua tăng lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Tình hình này đã diễn ra trong 11 tháng năm 2005. Đầu tháng 12, các NHTM, tổ chức tín dụng vẫn quảng cáo rầm rộ việc tăng lãi suất dưới nhiều hình thức hấp dẫn để huy động vốn. Trước tình hình ấy, Hiệp hội Ngân hàng đã mấy lần hiệp thương với các NHTM và đi đến đồng thuận là các NHTM nhà nước thống nhất lãi suất các kỳ hạn huy động vốn. Trên cơ sở đó, các NHTM cổ phần quy định lãi suất các kỳ hạn tiền gửi của mình không quá 0,03%/tháng so với các NHTM nhà nước. Nhưng do nhu cầu bức thiết về vốn, nhiều ngân hàng (kể cả NHTM nhà nước) đã phá vỡ sự đồng thuận đã cam kết. Theo người viết bài này, động thái phá rào không đơn thuần do nhu cầu vốn để cho vay, mà chủ yếu là để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi. Vì một phần vốn cho vay không nhỏ bị kẹt không trả được nợ đúng hạn do chênh lệch thời hạn giữa tiền gửi và tiền cho vay (dùng quá nhiều vốn ngắn hạn để cho vay dài hạn).

Điều đáng bàn khoản là mỗi đợt tăng lãi suất thường khởi đầu từ các NHTM nhà nước, điển hình như Agribank. Hiện nay lãi suất cho vay của ngân hàng này rất cao, cao hơn các NHTM nhà nước khác. Lãi suất cho vay trung dài hạn đối với các hộ nông dân lên tới 1,20 - 1,35%/tháng. Lãi suất cho vay ngắn hạn từ 1,05% - 1,15%/tháng. Các mức lãi suất ấy cao hơn cả lãi suất cho vay của các NHTM cổ phần đô thị, tương đương với lãi suất cho vay của các NHTM cổ phần nông thôn và các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

VCB cũng tăng lãi suất cho vay. Hiện nay lãi suất cho vay của VCB lên tới 11,5%/năm (0,96%/tháng). Lãi suất cho vay thấp nhất của ngân hàng này là 0,83%/tháng (trước đây là 0,77%/tháng).

Do các NHTM nhà nước tăng lãi suất, các NHTM cổ phần cũng đua nhau tăng lãi suất để tồn tại. Hệ quả là lãi suất cho vay tăng lên cùng lúc với giá xăng dầu, sắt thép, hoá chất, phân đạm, dịch vụ vận tải tăng, đã làm cho hiệu quả kinh doanh của các DN giảm sút.

Cũng may là Chính phủ đang kim giữ giá xi măng, than, điện. Nếu không thì chỉ số giá tiêu dùng còn tăng cao hơn và các DN còn gặp nhiều khó khăn hơn nữa.

Điều hành chính sách quản lý ngoại hối và tỷ giá

Theo đề nghị của NHNN, ngày 18/10/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2005/NĐ-CP v/v sửa đổi, bổ sung một số điều về quản lý ngoại hối. Theo đó, nguyên tắc tự do hoá các giao dịch vãng lai được quy định rõ ràng: "Trên lãnh thổ Việt Nam, các khoản thanh toán và chuyển tiền đối với các giao dịch vãng lai được tự do thực hiện". Chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài đã thể hiện rõ quan điểm tự do hoá. Đây là sự khẳng định quyền mua ngoại tệ, chuyển tiền ra nước ngoài của người cư trú, người không cư trú cho các nhu cầu hợp pháp không phải xuất trình chứng từ liên quan đến việc hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước Việt Nam. Sự thay đổi mang tính bước ngoặt này đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn, thông thoáng hơn việc thực hiện các giao dịch vãng lai, được các nhà đầu tư nước ngoài, các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước ủng hộ. Các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế và các nước đối tác cũng có cách nhìn mới đối với Việt Nam.

Do FED liên tục tăng lãi suất cơ bản, kiềm chế được lạm phát nên đồng USD tăng giá so với các đồng tiền mạnh khác. Trong khi ấy, tỷ giá VND/USD vẫn tương đối ổn định do nhu cầu ngoại tệ không căng thẳng. Đến cuối tháng 11/2005, tỷ giá USD/VND chỉ tăng 0,8% so với tháng 12/2004. Chính sách tỷ giá hiện hành của NHNN có tác dụng đẩy mạnh XK, hạn chế NK, không gây rủi ro về lạm phát như thả nổi tỷ giá.

Điều hành chính sách tín dụng

Trước tình hình lạm phát gia tăng vượt kế hoạch (8,4%/6,5%), ngành Ngân hàng thấy cần phải thắt chặt tín dụng bằng các biện pháp tiếp tục duy trì tỷ lệ dự trữ bắt buộc ở mức cao đã thực hiện từ năm 2004; tăng lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu như đã trình bày ở trên. Nhưng việc thắt chặt tín dụng chỉ có mức độ, bởi chặt quá sẽ

kim hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Biện pháp đã thực hiện là tập trung vốn cho vay các dự án có hiệu quả sau khi đã thẩm định kỹ lưỡng tính khả thi từng dự án. Ưu tiên cho vay các DN vừa và nhỏ, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh tiếp cận dễ dàng nguồn vốn tín dụng. Những biện pháp trên đã có tác dụng giữ tốc độ tăng trưởng tín dụng thấp hơn các năm trước. Tổng dư nợ cả năm không vượt quá 25% như dự kiến.

Điều hành công tác thanh toán

Những năm trước đây, nghiệp vụ thanh toán của ngân hàng với những thể thức thanh toán truyền thống rất đơn giản và thủ công, nên nguồn thu nhập từ dịch vụ thanh toán qua ngân hàng không đáng kể và nguồn vốn tạo ra từ nghiệp vụ thanh toán cũng hạn chế.

Để hiện đại hoá ngân hàng trong tiến trình hội nhập, với sự trợ giúp của Ngân hàng Thế giới (WB), năm 2003 NHNN cùng các NHTM đã triển khai thành công dự án hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán giai đoạn I trị giá 50 triệu USD. Dự án này đã tạo nền cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hoạt động thanh toán điện tử ở Việt Nam. Các dịch vụ tiên tiến đã được áp dụng, đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng và tăng nguồn thu nhập cho ngân hàng, tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn trong nền kinh tế.

Năm 2005, để tăng cường năng lực của hệ thống thanh toán đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành và của nền kinh tế, WB đã tiếp tục tài trợ cho Việt Nam số vốn 105 triệu USD nhằm thực hiện giai đoạn II của dự án là nâng cao năng lực công nghệ, đáp ứng yêu cầu của việc tái cơ cấu hoạt động hệ thống ngân hàng Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng với tiến trình mở cửa, hội nhập của nền kinh tế đất nước. Sự triển khai giai đoạn II của dự án sẽ tạo điều kiện cho việc phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại như chuyển tiền điện tử, thẻ ngân hàng, giao dịch một cửa. Nhiều ngân hàng điện tử, đa tiện ích được cung cấp trực tuyến trên mạng. Ngoài ra, hệ thống này đã tạo ra một công cụ đặc biệt, hỗ trợ quản lý điều hành của các NHTM cả nước, hỗ trợ đắc lực NHNN khai thác thông tin hoạt động ngân hàng trong việc xây dựng

và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia.

Những thành tựu của hoạt động ngân hàng trong năm 2005 đã được Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam diễn ra trong 2 ngày 6 - 7/12/2005 đánh giá cao. Ông KLAUSS ROLAND, Giám đốc WB tại Việt Nam nhận xét: "Việt Nam đang thực hiện tốt công việc của mình, nền kinh tế đang đi đúng hướng...". Ông MARTIN RAMA, chuyên gia kinh tế trưởng của WB tại Việt Nam trả lời câu hỏi của một nhà báo về tính chính xác của các số liệu thống kê do Chính phủ Việt Nam công bố, như sau: "Tôi không nói rằng hệ thống thống kê của Việt Nam đã hoàn hảo, nhưng tình trạng khác biệt nhiều về số liệu thống kê do Việt Nam công bố so với các tổ chức quốc tế tính toán đã chấm dứt cách đây 3 năm".

Bên cạnh những lời khen, cũng có vài nhận xét của các chuyên gia WB đáng để cho ta suy nghĩ: "... Sức ép lạm phát có thể sẽ tiếp tục gia tăng vào dịp Tết do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm đang làm giảm đáng kể nguồn cung các mặt hàng thực phẩm, dẫn tới tăng giá mạnh các mặt hàng này". "... Cần lưu ý tới những cú sốc bên cung xuất phát từ trong nước" - một chuyên gia khác cảnh báo. Về chất lượng tín dụng, ông MARTIN RAMA nhận xét: "Vẫn còn có sự can thiệp của cơ quan hành chính cấp tỉnh vào việc quyết định cho vay của các NHTM. Điều đó khiến chất lượng một số khoản vay không tốt. Vấn đề sẽ trở nên đáng lo ngại nếu tình hình này không được thay đổi".

*
* * *

Chúng ta rất tự hào trước những thành tựu to lớn của nền kinh tế trong năm 2005, trong đó có sự đóng góp của ngành Ngân hàng. Tuy nhiên, mỗi cán bộ ngân hàng cũng cần nhìn thẳng vào sự thật, ra sức khắc phục những yếu kém, bất cập trong hoạt động tiền tệ, tín dụng, thanh toán... để thực hiện tốt hơn nữa sự nghiệp CNH - HĐH ngân hàng trong tiến trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế ■

NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT

- Tên dự án

Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

- Chủ đầu tư

TCTy Dầu khí Việt Nam

- Hình thức đầu tư

Dự án được thực hiện theo hình thức Việt Nam tư đầu tư

- Địa điểm xây dựng

Tại Khu Kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi

- Công suất thiết kế

6,5 triệu tấn/năm (tương đương 130.000 thùng/ngày)

- Nguồn cung cấp dầu thô

Chủ yếu là dầu thô Bạch Hổ (dầu ngọt) của Việt Nam

- Sản phẩm

Propylen, khí hóa lỏng (LPG), xăng ô tô không pha chì, nhiên liệu phản lực, dầu hỏa dân dụng,



Khởi công xây dựng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Ảnh: Q.T

diesel động cơ, diesel công nghiệp, nhiên liệu F.O

- Tổng mức đầu tư

2,5 tỷ USD

- Tiến độ thực hiện

Động thổ: 1999; Khởi công Xây dựng: 28/11/2005; Hoàn thành Quý I/2009

- Nhà thầu chính

Technip (Pháp), JGC (Nhật), Reunida Technica (Tây Ban Nha) ■

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SƠN LA

Công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á, đã được khởi công ngày 2/12/2005 tại huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Theo thiết kế, nhà máy có 6 tổ máy phát điện với tổng công suất 2.400MW, cung cấp sản lượng điện hàng năm là 10 tỷ kWh. Đập thủy điện Sơn La chặn nước sông Đà tạo nên hồ chứa nước có diện tích 245km² với dung tích 9,26 tỷ m³. Tổng mức đầu tư cho dự án là 36.933 tỷ đồng (2,4 tỷ USD) do 3 chủ đầu tư đảm trách,

trong đó TCTy Điện lực Việt Nam (EVN) đầu tư 25.625 tỷ đồng để xây dựng công trình; vốn cho dự án tái định canh, định cư trị giá 10.295 tỷ đồng do các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu thực hiện; vốn cho các dự án giao thông là 1.013,24 tỷ đồng do Bộ GTVT đầu tư. Việc thi công công trình được giao thầu cho 3 DN chủ chốt trong ngành xây dựng là TCTy Sông Đà, TCTy Trường Sơn và TCTy Xây dựng và Phát triển hạ tầng (Licogi). Dự kiến đến năm 2010 tổ máy số 1 sẽ được đưa vào hoạt động ■